TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/KDTM-ST
Ngày 22-3-2024
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Tuyền

Các Hội Thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Bạch Nhạn

Ông Huỳnh Phước

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Ngọc Hân là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Ngọc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 05/2024/TLST-KDTM ngày 05 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2024/QĐXXST-KDTM ngày 26 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Công ty Trách nhiệm hữu hạn K**

Địa chỉ: **Số D tổ A, ấp A, Xã H, Huyện C, tỉnh An Giang**.

Địa chỉ mới: **Số C đường T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang**.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Ngọc B** – Chức vụ: Phó Giám đốc. Địa chỉ: **Số C đường T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang** là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn văn bản ủy quyền ngày 16/01/2024.

- *Bị đơn:* **Công ty TNHH MTV T**.

Địa chỉ: **Số C B, Khóm F, Phường I, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng**.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Trần Thị Yến N** – Chức vụ: Giám đốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 18 tháng 12 năm 2023 của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn K, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Ngọc B trình bày:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn K (gọi tắt là Công ty K) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn MTV T (gọi tắt là Công ty T) có ký Hợp đồng nguyên tắc số 31/HĐNT/KT AG/THH ngày 03/01/2023 như sau: Đơn đặt hàng ngày 04/01/2023, theo đó bên Công ty T có đặt cát sông tự nhiên 1.6, số lượng 900m^3, đơn giá 344.000 đồng (luôn thuế), thành tiền: 309.600.000 đồng. Thực hiện hợp đồng Công ty K đã giao hàng cho Công ty T do ông Trần Vũ L nhận, việc giao hàng có biên bản nghiệm thu ngày 09/01/2023, theo đó số lượng cát giao có tăng lên 950m^3 tương đương số tiền 326.800.000 đồng. Sau khi nhận hàng xong thì Công ty T không thanh toán tiền cho Công ty K và hai bên có đối chiếu công nợ ngày 21/02/2023. Ngày 09/03/2023, Công ty K gửi văn bản đề nghị thanh toán số 03/CV-KT.23. Đến ngày 13/03/2023, Công ty T có gửi văn bản số 03/2023/CV-THH về việc xin gia hạn thanh toán làm 02 đợt như sau: Đợt 1: Ngày 17/03/2023 thanh toán 100.000.000 đồng; Đợt 2: ngày 31/03/2023 thanh toán 232.587.083 đồng (tiền gốc: 226.800.000 đồng, lãi chậm trả: 5.787.083 đồng). Nhưng đến ngày 03/04/2023, Công ty K chưa nhận được số tiền thanh toán theo như Văn bản số 03/2023/CV-THH ngày 13/03/2023 của Công ty T.

Nay Công ty Trách nhiệm hữu hạn K yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng giải quyết: Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn MTV T Công trình Thơ Huy Hoàng phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ cho Công ty TNHH K là 326.800.000 đồng và lãi phát sinh chậm trả theo lãi suất ngân hàng hiện hành từ thời gian hoàn thành là từ ngày 13/01/2023 –18/12/2023: 36.530.000 đồng với lãi suất 12%/năm. Tổng cộng: 363.330.000 đồng. Đồng thời yêu cầu tính lãi chậm thanh toán tiếp tục từ ngày khởi kiện đến ngày có bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về mức lãi suất chỉ yêu cầu tính lãi 9,2%/năm. Cụ thể Công ty Trách nhiệm hữu hạn K yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn MTV T Công trình Thơ Huy Hoàng phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn K là 326.800.000 đồng và lãi phát sinh chậm trả theo lãi suất ngân hàng hiện hành từ thời gian hoàn thành là từ 13/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là 22/03/2024 là 01 năm 02 tháng 09 ngày x 9,2%/năm x 326.800.000 đồng = 35.516.624 đồng theo lãi suất vay ngắn hạn bình quân 3 ngân hàng N1-S). Tổng cộng 362.316.624 đồng.

- Bị đơn, Công ty Trách nhiệm hữu hạn MTV T Công trình Thơ Huy Hoàng từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến gì.

- Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng trình bày ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại

phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các điều 68; 70; 71; 86 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ, tranh tụng tại phiên tòa. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuy nhiên về phần tính lãi suất chậm trả, nguyên đơn yêu cầu tính mức lãi suất 9.2%/năm là thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của ba ngân hàng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không phản đối những tình tiết, sự kiện tài liệu mà nguyên đơn đã trình bày và giao nộp cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến trình bày của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn Công ty K khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty T trả tiền mua bán hàng hóa, bị đơn Công ty T có trụ sở: Số C đường B, khóm F, phường I, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng.

[1.2] Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.3] Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất chỉ yêu cầu tính lãi chậm trả là 9,2%/năm. Xét thấy, yêu cầu này là tự nguyện không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, phù hợp với khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Theo các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và tài liệu do nguyên đơn cung cấp, căn cứ khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 95 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử công nhận trên thực tế giữa Công ty K và Công ty T có giao kết hợp đồng nguyên tắc số 31//HĐNT/KT AG/THH ngày 03/01/2023. Theo đơn đặt hàng ngày 04/01/2023, theo đó bên Công ty T có đặt cát sông tự nhiên 1.6, số lượng 900m^3, đơn giá 344.000 đồng (luôn thuế), thành tiền: 309.600.000 đồng. Thực hiện hợp đồng Công ty K đã giao hàng cho Công ty T do ông Trần Vũ L nhận, việc giao hàng có biên bản nghiệm thu ngày 09/01/2023, theo đó số lượng cát giao có tăng lên 950m^3 tương đương số tiền 326.800.000 đồng. Sau khi nhận hàng xong thì Công ty T không thanh toán tiền cho Công ty K và hai bên có đối chiếu công nợ ngày

21/02/2023, xác nhận số nợ là 326.800.000 đồng. Ngày 09/03/2023 Công ty K gửi văn bản đề nghị thanh toán số 03/CV-KT.23. Đến ngày 13/03/2023, Công ty T có gửi văn bản số 03/2023/CV-THH về việc xin gia hạn thanh toán làm 02 đợt như sau: Đợt 1: Ngày 17/03/2023 thanh toán 100.000.000 đồng; Đợt 2: ngày 31/03/2023 thanh toán 232.587.083 đồng (tiền gốc: 226.800.000 đồng, lãi chậm trả: 5.787.083 đồng). Nhưng đến nay, Công ty T chưa thanh toán số tiền còn nợ cho Công ty K. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ 326.800.000 đồng là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ, nguyên đơn yêu cầu tính lãi mức lãi suất 9.2%/năm. Theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại 2005 và hướng dẫn tại Điều 11 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm "*Trường hợp hợp đồng thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 thì khi xác định lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm trả, Tòa án căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 (ba) ngân hàng thương mại (*Ngân hàng thương mại cổ phần N2, Ngân hàng thương mại cổ phần C, Ngân hàng N3*,...) có trụ sở, chi nhánh hoặc phòng giao dịch tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi Tòa án đang giải quyết, xét xử có trụ sở tại thời điểm thanh toán (thời điểm xét xử sơ thẩm) để quyết định mức lãi suất chậm trả, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác"*. Căn cứ vào thông báo mức lãi suất nợ quá hạn tại 03 Ngân hàng là Ngân hàng N3 chi nhánh thành phố S; Ngân hàng thương mại cổ phần N2; Ngân hàng thương mại cổ phần C thì mức lãi suất nợ quá hạn trung bình là 15,55%/năm. Do đó, yêu cầu của Công ty K tính lãi suất 9.2%/năm là thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 Ngân hàng nêu trên nên có cơ sở chấp nhận. Về thời gian bắt đầu tính nghĩa vụ chậm trả, theo thỏa thuận tại Điều 3 của hợp đồng số 31//HĐNT/KT AG/THH ngày 03/01/2023 về hình thức thanh toán, trong vòng 03 ngày kể từ ngày bên B nhận được hàng và bên A đã cung cấp đầy đủ chứng từ hóa đơn. Nguyên đơn cung cấp cho Tòa án biên bản nghiệm thu khối lượng cát sông ngày 09/01/2023 và hóa đơn giá trị gia tăng ngày 10/01/2023 và bản đối chiếu công nợ ngày 21/02/2023 có thể hiện ngày tháng năm giao hàng, tên hàng, chủng loại, số lượng, số tiền. Nên thời gian tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ được tính từ ngày 13/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là 22/03/2024 là 01 năm 02 tháng 09 ngày x 9,2%/năm x 326.800.000 đồng = 35.516.624 đồng. Do đó, yêu cầu tính lãi của Công ty K là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Như vậy, tổng số tiền bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là 326.800.000 đồng + tiền lãi 35.516.624 đồng = 362.316.624 đồng.

[5] Như đã phân tích nêu trên, lời đề nghị Kiểm sát viên về nội dung là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí đối với phần có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 30, Điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, Điều 147, Khoản 1 Điều 244, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 24; Điều 306 Luật thương mại 2005; Điều 11 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn K. Buộc bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn MTV T có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn K số tiền 362.316.624 đồng, trong đó, tiền gốc là 326.800.000 đồng, tiền lãi 35.516.624 đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

3.1. Nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn K không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.083.250 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001437 ngày 22/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng.

3.2. Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn MTV T Công trình Thơ Huy Hoàng phải chịu án phí số tiền 18.115.831 đồng.

4. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi

hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSNDTPST;
- Chi cục THADSTPST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Bích Tuyền